

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2022/DS-PT

Ngày: 28/ 12/2022

V/v tranh chấp "Đòi tài sản, Hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị ánh Phương

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 và 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "Đòi tài sản, Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 293/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp AB, xã AC, huyện AD, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Anh Lê Trọng B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp AB, xã AC, huyện AD, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy B của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Phương, sinh năm 1977. Địa chỉ: AF, AI, AH, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp AJ, xã AK, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy B của bị đơn: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972. Địa chỉ: AM, xã AN, AH, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/10/2019 (âm lịch), bà Lê Thị Kim C có vay của bà số tiền 167.000.000đồng, có làm biên nhận do bà C viết và ký tên.

Ngoài ra bà có choàng hụi (đóng hụi thay) cho bà Lê Thị Kim C từ năm 2018 đến năm 2020 số tiền tổng cộng 880.740.000đồng. Ngày 15/4/2020 (âm lịch), bà Lê Thị Kim C có làm biên nhận nợ bà số tiền 880.740.000đồng, giấy biên nhận do bà C viết và ký tên. Bà A có yêu cầu bà C trả số tiền nợ nhiều lần nhưng bà C hứa hẹn mà không trả.

Bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả số tiền choàng hụi 880.740.000đồng và số tiền vay 167.000.000đồng, tổng cộng là 1.047.740.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Nguyên đơn anh Lê Trọng B trình bày:*

Ngày 30/12/2020 (âm lịch), bà Lê Thị Kim C có vay của anh số tiền 229.000.000đồng, có làm biên nhận do bà C viết và ký tên. Thỏa thuận khi nào anh có yêu cầu lấy lại tiền thì báo cho bà C biết để trả lại, tuy anh đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà C cứ hứa hẹn và kéo dài đến nay không trả. Nay anh yêu cầu bà Lê Thị Kim C phải trả số tiền vay 229.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:*

Trước đây bà có tham gia hụi của bà A và có nợ số tiền hụi 40.000.000đồng chưa trả. Sau đó bà A tính lãi và ép bà ký giấy nợ. Bà thừa nhận có ký giấy nợ bà Nguyễn Thị A số tiền 167.000.000đồng vào ngày 10/10/2019, giấy nợ số tiền 880.740.000đồng vào ngày 15/4/2020 (AL) và giấy nợ anh Lê Trọng B số tiền 229.000.000đồng. Nhưng toàn bộ các giấy nợ này là do bà A và anh B ép buộc bà ký. Bà A, anh B nhiều lần đe dọa bà, vì sợ ảnh hưởng cuộc sống gia đình nên bà mới ký giấy nợ theo yêu cầu của bà A, anh B chứ thực tế bà không có nợ những khoản tiền theo biên nhận của bà A, anh B. Do vậy, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà A, anh B.

Bà có yêu cầu khởi kiện phản tố về việc cản trở số tiền bà đã trả cho bà A 240.000.000đồng vào số tiền hụi 40.000.000đồng bà còn nợ bà A. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là các tờ giấy nháp do bà A viết có thể hiện bà A tính tiền lãi từ số tiền nợ 40.000.000đồng cộng dồn nhiều năm nên mới thành số tiền 880.740.000đồng và số tiền 229.000.000đồng.

Bản án sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 166, Điều 463, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Lê Thị Kim C trả bà Nguyễn Thị A số tiền choàng hụi 880.740.000đồng và số tiền vay 167.000.000đồng, tổng cộng là 1.047.740.000 (một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Kim C còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trọng B.

Buộc bà Lê Thị Kim C trả anh Lê Trọng B số tiền vay 229.000.000 (hai trăm hai mươi chín triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lê Trọng B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Kim C còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất trả số tiền 1.047.740.000đồng và yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Trọng B về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất trả số tiền 229.000.000đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim C về việc yêu cầu cản trừ số tiền 240.000.000đồng bà C đã trả cho bà A vào số tiền 40.000.000đồng bà Lê Thị Kim C nợ bà Nguyễn Thị A.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy B của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và anh Lê Trọng B; Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Kim C.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng

kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị A và anh Lê Trọng B; buộc bà Lê Thị Kim C trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 1.047.740.000đồng và trả cho anh Lê Trọng B số tiền 229.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AA.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Lê Thị Kim C nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Đòi tài sản, Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hội” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền choàng hội 880.740.000đồng ngày 15/4/2020 (AL) của bà Nguyễn Thị A:

Xét thấy việc giao kết hợp đồng góp hội giữa bà A và bà C tuy không có thỏa thuận bằng văn bản nhưng được bà A, bà C thừa nhận có thỏa thuận việc góp hội, các dây hội hiện nay đã mãn. Xét biên nhận đề ngày 15/4/2020 (bút lục 02) nội dung bà C xác nhận có nợ bà A số tiền choàng hội 880.740.000đồng, bà C thừa nhận bà là người viết và ký tên biên nhận. Do vậy căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

Xét bà C cho rằng số tiền choàng hội chỉ có 40.000.000đồng, bà A cộng dồn tiền lãi mới thành số tiền 880.740.000đồng. Tuy nhiên bà C không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, chỉ xuất trình các giấy nháp viết tay từ năm 2017, 2018 chỉ ghi những con số không thể hiện là tiền gì, lãi của số tiền nào, nợ của người nào và có liên quan như thế nào. Như vậy mặc dù bà C cho rằng bà A chỉ choàng hội cho bà 40.000.000đồng nhưng ngày 15/4/2020 bà C đã đồng ý viết giấy nhận nợ bà A số tiền choàng hội 880.740.000đồng điều đó chứng tỏ bà C đã thừa nhận số tiền bà A đã choàng hội là 880.740.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C phải trả cho bà A số tiền choàng hội 880.740.000đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét yêu cầu trả số tiền vay 167.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 10/10/2019: Xét thấy bà C thừa nhận bà là người viết và ký biên nhận nợ bà A số tiền 114.000.000đồng vốn và 53.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 167.000.000đồng (bút lục 01). Căn cứ vào giấy nhận nợ xác định bà C có vay số tiền 114.000.000đồng vốn nhưng chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ; đối với số tiền 53.000.000đồng ghi rõ là tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bà A xác định chỉ khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền vốn vay, không yêu cầu trả lãi. Cấp sơ thẩm xác định bà C có vay của bà A số tiền 167.000.000đồng vốn gốc là không phù hợp. Do vậy, căn cứ Điều 166, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, buộc bà Lê Thị Kim C trả bà Nguyễn Thị A số tiền vay 114.000.000đồng.

Như vậy, bà Lê Thị Kim C phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 880.740.000đồng theo biên nhận đề ngày 15/4/2020 và 114.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 10/10/2019, tổng cộng là 994.740.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trọng B yêu cầu bà Lê Thị Kim C trả số tiền vay 229.000.000đồng. Xét thấy việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa anh B và bà C có thỏa thuận bằng văn bản, bà C thừa nhận bà là người viết và ký biên nhận nợ anh B số tiền vay 229.000.000đồng (bút lục 10). Do vậy căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là sự thật, không phải chứng minh. Xét bà C cho rằng số tiền này là tiền lãi bà phải trả cho bà A nhưng bà không có trả nên mới làm giấy nợ anh Lê Trọng B là không có căn cứ. Bởi vì bà C cung cấp 02 tờ giấy tay có ghi nhiều số tiền nhưng không có mục nào ghi tiền lãi từ số tiền nợ bà A. Do vậy, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trọng B, buộc bà Lê Thị Kim C trả anh Lê Trọng B số tiền vay 229.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn, bà Lê Thị Kim C yêu cầu cản trừ số tiền bà C đã trả cho bà A 240.000.000đồng vào số tiền hui 40.000.000đồng bà C còn nợ bà A. Xét thấy, bà C cho rằng có trả cho bà A 240.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên bà A không thừa nhận việc bà C đã trả bà A 240.000.000đồng. Bà C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà trả cho bà A số lãi 240.000.000đồng. Xét các giấy tờ bà C giao nộp tuy được bà A thừa nhận chữ viết (bút lục 65, 66, 67) nhưng toàn bộ các giấy tờ đó không có nội dung nào thể hiện việc bà C nợ bà A số tiền hui 40.000.000đồng, cũng không có nội dung nào thể hiện bà C đã trả bà A 240.000.000đồng, nội dung các tờ giấy chỉ ghi những con số không cụ thể, rõ ràng, không thể hiện nội dung là ai trả ai, trả tiền gì nên không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà C là hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim C là phù hợp quy định pháp luật.

- Xét tờ giấy ghi các khoản tiền bà C cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, cho rằng bà A tổng kết các khoản nợ nhưng không có số tiền nợ 880.740.000 đồng chỉ có khoản nợ 688.000.000đồng, điều đó có nghĩa bà C đã trả cho bà A

200.000.000đồng. Tuy nhiên, bà C cho rằng đây là tờ giấy nháp bà A viết chứ không ký tên, chính bà C cũng không đồng ý nên không ký tên mới phát sinh tranh chấp. Do vậy nội dung của tờ giấy này không có giá trị chứng minh trách nhiệm của hai bên.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A, anh B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất trả tiền vay. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất số trả tiền 1.047.740.000đồng; đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Trọng B về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất số trả tiền 229.000.000đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Kim C. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AA đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

[6] Về án phí:

Bà Lê Thị Kim C phải chịu án phí DSST đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận và án phí DSST đối với yêu cầu phần tố không được HĐXX chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí DSST đối với phần yêu cầu không được HĐXX chấp nhận.

Do kháng cáo của bà Lê Thị Kim C được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Kim C.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Lê Thị Kim C trả bà Nguyễn Thị A số tiền choàng hụi 880.740.000đồng và số tiền vay 114.000.000đồng, tổng cộng là 994.740.000 đồng (chín trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trọng B.

Buộc bà Lê Thị Kim C trả anh Lê Trọng B số tiền vay 229.000.000 (hai trăm hai mươi chín triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất trả số tiền 1.047.740.000đồng và yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Trọng B về việc yêu cầu ông Lê Văn Thất trả số tiền 229.000.000đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Lê Thị Kim C về việc yêu cầu cản trừ số tiền 240.000.000đồng vào số tiền hụi bà Lê Thị Kim C nợ bà Nguyễn Thị A.

5. Về án phí:

Bà Lê Thị Kim C phải chịu 65.292.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu 2.650.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.716.000 đồng bà Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3984 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A 19.066.000 đồng tạm ứng án phí.

Anh Lê Trọng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại anh Lê Trọng B số tiền tạm ứng án phí 5.725.000 (năm triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3985 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bà Lê Thị Kim C 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số số 0020864 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có B thỏa thuận thi hành án, B yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện AA;
- Chi cục THADS huyện AA;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân